Trưởng Cơ quan quản lý thuế	Họ tên người chi trả tiền lương (họ tên)		(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên của bạn	
	Mã số pháp nhân của người chi trả tiền lương	*Người chi trả tiền lương (không bao gồm cá nhân) khi nhận được tờ khai này hãy điền vào đây.		
Trưởng Cơ quan thuế	Địa điểm (địa chỉ) của người chi trả lương		Địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn	

基・配・特・所

◆Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương ◆

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Lưu ý) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn (Tổng số tiền của (1) và (2))		yên

(Lưu ý) Nếu được áp dụng khấu trừ điều chỉnh thu nhập hoặc khấu trừ chi phí đặc biệt, vui lòng ghi số tiền sau khấu trừ.

○Tính toán số tiền khấu trừ

Đánh giá				
	☐	Từ 4.890.000 yên trở xuống		1.040.000 yên
	☐	Hơn 4.890.000 yên Từ 6.550.000 yên trở xuống	(A)	670.000 yên
	☐	Hơn 6.550.000 yên Từ 9.000.000 yên trở xuống		620.000 yên
	☐	Hơn 9.000.000 yên Từ 9.500.000 yên trở xuống	(B)	
	☐	Hơn 9.500.000 yên Từ 10.000.000 yên trở xuống	(C)	
	☐	Hơn 10.000.000 yên Từ 23.500.000 yên trở xuống		
	☐	Hơn 23.500.000 yên Từ 24.000.000 yên trở xuống		480.000 yên
	☐	Hơn 24.000.000 yên Từ 24.500.000 yên trở xuống		320.000 yên
	☐	Hơn 24.500.000 yên Từ 25.000.000 yên trở xuống		160.000 yên

Phân loại I

(Điền A~C thuộc mục bên trái)

Số tiền khấu trừ cơ bản

yên

※ Tham khảo bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" để điền cột "Phân loại I" và cột "Số tiền khấu trừ cơ bản"

◆ Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng của người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương◆

○ Họ tên vợ/chồng

(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên vợ/chồng	Mã số cá nhân của vợ/chồng	Ngày tháng năm sinh của vợ/chồng
		/ /
	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của vợ/chồng trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và vợ/chồng khác nhau	Vợ/chồng là người không cư trú / Tình trạng thực tế cùng sinh sống

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Lưu ý) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))		yên

(Lưu ý) Nếu được áp dụng khấu trừ điều chỉnh thu nhập hoặc khấu trừ chi phí đặc biệt, vui lòng ghi số tiền sau khấu trừ.

Đánh giá

☐	Từ 620.000 yên trở xuống và từ 70 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1/1/1957 trở về trước) << Áp dụng cho vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ là người cao tuổi >>	(①)	Khấu trừ cho vợ/chồng
☐	Từ 620.000 yên trở xuống và dưới 70 tuổi	(②)	
☐	Hơn 620.000 yên và từ 950.000 yên trở xuống	(③)	Khấu trừ đặc biệt cho
☐	Hơn 950.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống	(④)	

Phân loại II

(Điền ①~④ thuộc mục bên trái)

○ Tính toán số tiền khấu trừ

Phân loại II

Phân loại I	①	②	③	④("Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))" nêu trên (số tiền có dấu ＊))							
				Hơn 950.000 yên và từ 1.000.000 yên trở xuống	Hơn 1.000.000 yên và từ 1.050.000 yên trở xuống	Hơn 1.050.000 yên và từ 1.100.000 yên trở xuống	Hơn 1.100.000 yên và từ 1.150.000 yên trở xuống	Hơn 1.150.000 yên và từ 1.200.000 yên trở xuống	Hơn 1.200.000 yên và từ 1.250.000 yên trở xuống	Hơn 1.250.000 yên và từ 1.300.000 yên trở xuống	Hơn 1.300.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống
A	480.000 yên	380.000 yên	380.000 yên	360.000 yên	310.000 yên	260.000 yên	210.000 yên	160.000 yên	110.000 yên	60.000 yên	30.000 yên
B	320.000 yên	260.000 yên	260.000 yên	240.000 yên	210.000 yên	180.000 yên	140.000 yên	110.000 yên	80.000 yên	40.000 yên	20.000 yên
C	160.000 yên	130.000 yên	130.000 yên	120.000 yên	110.000 yên	90.000 yên	70.000 yên	60.000 yên	40.000 yên	20.000 yên	10.000 yên
Tóm tắt	Khấu trừ cho vợ/chồng			Khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng							

Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng

yên

Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng

yên

※ Tham khảo phần "Xác định" và bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" để điền cột "Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng" hoặc "Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng".

◎ Khi điền tờ khai, hãy đọc giải thích ở mặt sau.

◆ Tờ khai khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định của người có thu nhập từ tiền lương ◆

○ Họ tên của người thân đặc định

(Lưu ý) Vui lòng xác nhận mục (1) trong phần 3-1 ở mặt sau để xem có đủ điều kiện là "người thân đặc định" hay không.

	(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên của người thân đặc định	Mã số cá nhân của người thân đặc định	Quan hệ với bạn	Ngày tháng năm sinh của người thân đặc định (sinh từ ngày 2 tháng 1 năm 2004 đến ngày 1 tháng 1 năm 2008)	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của người thân đặc định trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và người thân đặc định khác nhau	Người thân đặc định là cá nhân không cư trú / Tình trạng thực tế cùng sinh sống	Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của người thân đặc định	Số tiền khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định
1				/ /			yên	yên
2				/ /			yên	yên

○ Tính toán số tiền khấu trừ

※ Tham khảo bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" để điền.

Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của người thân đặc định	Hơn 620.000 yên và từ 850.000 yên trở xuống	Hơn 850.000 yên và từ 900.000 yên trở xuống	Hơn 900.000 yên và từ 950.000 yên trở xuống	Hơn 950.000 yên và từ 1.000.000 yên trở xuống	Hơn 1.000.000 yên và từ 1.050.000 yên trở xuống	Hơn 1.050.000 yên và từ 1.100.000 yên trở xuống	Hơn 1.100.000 yên và từ 1.150.000 yên trở xuống	Hơn 1.150.000 yên và từ 1.200.000 yên trở xuống	Hơn 1.200.000 yên và từ 1.230.000 yên trở xuống
Số tiền khấu trừ	630.000 yên	610.000 yên	510.000 yên	410.000 yên	310.000 yên	210.000 yên	110.000 yên	60.000 yên	30.000 yên

◆ Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập ◆

Không cần điền nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn là từ 8.500.000 yên trở xuống.

Điều kiện (Lưu ý1)

- ☐ Bạn là người khuyết tật đặc biệt (Lưu ý 2) (Chỉ điền cột ★ bên phải)
- ☐ Vợ/chồng cùng sinh sống (Lưu ý 2) là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột☆ và cột★ bên phải)
- ☐ Người thân phụ thuộc (Lưu ý 2) là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột☆ và cột★ bên phải)
- ☐ Người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi (sinh từ ngày 2/1/2004 trở về sau) (Chỉ điền cột ☆bên phải)

☆Người thân phụ thuộc

(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên của vợ/chồng cùng sinh sống hoặc người thân phụ thuộc	Mã số cá nhân của người bên trái	Ngày tháng năm sinh của người bên trái
		/ /
	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của người bên trái trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và người bên trái khác nhau	Quan hệ của bạn với người bên trái / Tổng thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của người được liệt kê ở bên trái
		yên

★Người khuyết tật đặc biệt

Thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt

☐ Theo tờ khai giảm trừ gia cảnh

(Lưu ý) 1: Nếu tương ứng với từ 2 mục trở lên trong cột "Điều kiện", bạn có thể đánh dấu và điền vào bất kỳ 1 điều kiện nào trong số đó.
2: Vui lòng xác nhận mục (4) trong phần 4-1 ở mặt sau để xem có đủ điều kiện là "Người khuyết tật đặc biệt", "Vợ/chồng cùng sinh sống" và "Người thân phụ thuộc"

◆Lưu ý khi điền các tờ khai◆

1. Trường hợp muốn được áp dụng khấu trừ cơ bản, khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng, khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định hoặc khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập vào cuối năm được thực hiện sau ngày 1 tháng 12 năm 2026 thì phải nộp những tờ khai này cho người chi trả lương trước ngày nhận lương cuối cùng của năm 2026 (nếu nhận lương từ 2 nơi trở lên, thì nộp cho bên trả lương chính (bên trả lương đã nộp "Tờ khai giảm trừ gia cảnh")).

   (Chú ý) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn vượt quá 20.000.000 yên, bạn sẽ không được điều chỉnh cuối năm.

2. Vui lòng điền vào "Tờ khai khấu trừ cơ bản" và "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng" tương ứng theo các trường hợp sau.
   (1) Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn từ 10.000.000 Yên trở xuống hoặc tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng từ 1.330.000 Yên trở xuống, thì vui lòng điền theo thứ tự là "Tờ khai khấu trừ cơ bản", "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng".
   (2) Trường hợp không thuộc trường hợp (1) ở trên và khi tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn từ 25.000.000 yên trở xuống, vui lòng chỉ điền "Tờ khai khấu trừ cơ bản" (không cần điền "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng).
3. Vui lòng điền "Tờ khai khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định" trong trường hợp bạn muốn được áp dụng khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định khi điều chỉnh cuối năm.
4. Vui lòng điền "Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập" trong trường hợp bạn muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế khi điều chỉnh cuối năm.

   Tuy nhiên, nếu tổng số tiền thu nhập từ tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn từ 8.500.000 Yên trở xuống hoặc không thỏa mãn bất kì mục nào trong các mục ở cột "Điều kiện" của "Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập" thì bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập chịu thuế.
5. Về cột "Mã số cá nhân" trong "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng", "Tờ khai khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định" và "Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập", trong một số trường hợp nhất định, bạn có thể không cần điền số My Number (mã số cá nhân), vì vậy vui lòng xác nhận với người chi trả lương.
6. Trường hợp muốn được áp dụng khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng hoặc khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định là người không cư trú (chú ý), thì cần phải nộp hoặc xuất trình "Giấy chứng minh quan hệ nhân thân" và "Giấy chứng nhận gửi tiền" liên quan đến người thân đó. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng xem mục "Dành cho đối tượng áp dụng giảm trừ cho gia cảnh thân nhân không cư trú" trên trang chủ của Tổng Cục thuế.

   (Chú ý) "Người không cư trú" là cá nhân không có địa chỉ tại Nhật Bản và đã không sinh sống liên tiếp tại Nhật Bản từ một năm trở lên.

Dành cho đối tượng áp dụng giảm trừ cho gia cảnh thân nhân không cư trú

〔Về tổng tiền thu nhập chịu thuế của mỗi tờ khai〕

Khi điền vào cột "Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay" trên mỗi tờ khai, vui lòng tham khảo mục "Tính tổng thu nhập chịu thuế" trên trang chủ của Tổng Cục thuế.

Tính tổng thu nhập chịu thuế

[Tham khảo] Phương pháp tính số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương

Số tiền thu nhập của tiền lương (a)	Số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương
Từ 1 yên trở lên Từ 740.999 yên trở xuống	0 yên
Từ 741.000 yên trở lên Từ 2.190.999 yên trở xuống	(a) − 740.000 yên
Từ 2.191.000 yên trở lên Từ 2.192.999 yên trở xuống	1.451.000 yên
Từ 2.193.000 yên trở lên Từ 2.195.999 yên trở xuống	1.453.000 yên
Từ 2.196.000 yên trở lên Từ 2.199.999 yên trở xuống	1.456.000 yên
Từ 2.200.000 yên trở lên Từ 3.599.999 yên trở xuống	{(a) / 4 (làm tròn đến dưới 1.000 yên)} × 2,8 − 80.000 yên
Từ 3.600.000 yên trở lên Từ 6.599.999 yên trở xuống	{(a) / 4 (làm tròn đến dưới 1.000 yên)} × 3,2 − 440.000 yên
Từ 6.600.000 yên trở lên Từ 8.499.999 yên trở xuống	(a) × 90% − 1.100.000 yên
Từ 8.500.000 yên trở lên	(a) − 1.950.000 yên

*Nếu có áp dụng khấu trừ chi phí đặc biệt hoặc khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế, hãy khấu trừ các khoản đó vào số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương đã tính.

◆Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương◆

1-1 Lưu ý khi điền thông tin tờ khai

Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn vượt quá 25.000.000 yên, bạn sẽ không đủ điều kiện được áp dụng khấu trừ cơ bản.

1-2 Lưu ý khi điền

Căn cứ trên tổng tiền thu nhập chịu thuế được tính toán theo cột "Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn (Tổng số tiền của (1) và (2))", đánh dấu vào cột "Đánh giá", rồi điền số tiền khấu trừ tương ứng (1.040.000 Yên, 670.000 Yên, 620.000 Yên, 480.000 Yên, 320.000 Yên hoặc 160.000 Yên) vào cột "Số tiền khấu trừ cơ bản".

Ngoài ra, nếu các mục được đánh dấu ở cột "Đánh giá" tương ứng từ (A) ~ (C) thì hãy điền phân loại (A~C) tương ứng đó vào cột "Phân loại I" (Nếu không cần điền "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng", bỏ trống cột "Phân loại I").

◆Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng của người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương◆

2-1 Lưu ý khi điền thông tin tờ khai

(1) Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn vượt quá 10.000.000 Yên hoặc tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng trong năm nay vượt quá 1.330.000 Yên (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập theo tiền lương là 2.070.000 Yên), bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng.

(2) Nếu vợ/chồng bạn là người thân phụ thuộc hoặc là người thân đặc định của một người có thu nhập chịu thuế khác ngoài bạn, hoặc nếu vợ/chồng bạn là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh hoặc là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng thì bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng.

(3) Vợ chồng không thể cùng lúc đăng ký khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng lẫn nhau.

2-2 Lưu ý khi điền

(1) Căn cứ trên tổng tiền thu nhập chịu thuế được tính toán theo cột "Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))", đánh dấu vào cột "Đánh giá", rồi điền số tiền tương ứng (① ~ ④) vào cột "Phân loại II".

(2) Điền phân loại đã ghi ở cột "Phân loại I" (A~C) của "Tờ khai khấu trừ cơ bản" và cột "Phân loại II" (① ~ ④) của tờ khai này và số tiền giảm trừ đã được tính toán tại bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" lần lượt vào các cột "Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng" hoặc "Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng".

(Chú ý) Trường hợp cột "Phân loại I" của "Tờ khai khấu trừ cơ bản" không thuộc từ (A) ~ (C) hoặc cột "Phân loại II" của "Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng" không thuộc từ ① ~ ④ thì sẽ không được áp dụng khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng.

(3) Để được áp dụng khấu trừ (đặc biệt) cho vợ/chồng là cá nhân không cư trú, hãy đánh dấu O vào cột "Vợ/chồng là người không cư trú", và điền tổng số tiền đã chuyển cho người vợ/chồng trong năm nay vào cột "Tình trạng thực tế cùng sinh sống".

◆Tờ khai khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định của người có thu nhập từ tiền lương◆

3-1 Lưu ý khi điền thông tin tờ khai

(1) "Người thân đặc định" là người thân từ 19 tuổi đến dưới 23 tuổi sống chung với bạn (bao gồm trẻ được nhận nuôi dưỡng theo quy định của Luật Phúc lợi Trẻ em, còn gọi là con nuôi, nhưng không bao gồm vợ/chồng, người nhận lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng), có tổng thu nhập chịu thuế từ hơn 620.000 Yên đến 1.230.000 Yên (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập từ lương là từ hơn 1.360.000 Yên đến 1.970.000 Yên).

(2) Nếu người thân của bạn thuộc nhóm người thân đặc định của hai hoặc nhiều người có thu nhập chịu thuế, thì người thân đó sẽ được coi là người thân đặc định của chỉ một trong những người có thu nhập chịu thuế đó. Ngoài ra, cũng có những trường hợp mà bạn không thể được áp dụng khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định, vì vậy vui lòng kiểm tra "Cách điền" trên trang chủ của Tổng Cục thuế.

3-2 Lưu ý khi điền

(1) Hãy lấy số tiền đã ghi trong cột "Tổng thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của người thân đặc định" đối chiếu với bảng "Tính toán số tiền khấu trừ" để xác định số tiền được khấu trừ, rồi ghi số tiền đó vào cột "Số tiền khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định".

(2) Trường hợp muốn áp dụng khấu trừ đặc biệt cho người thân đặc định là cá nhân không cư trú, hãy đánh dấu O vào cột "Người thân đặc định là cá nhân không cư trú", điền tổng số tiền đã chuyển cho người thân đó trong năm nay vào cột "Tình trạng thực tế cùng sinh sống".

◆Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập◆

4-1 Lưu ý khi điền thông tin tờ khai

(1) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn từ 8.500.000 yên trở xuống, bạn sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế.

(2) Đối với việc khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập chịu thuế, trong trường hợp hộ gia đình có từ hai người trở lên là người có thu nhập, chẳng hạn như hai vợ chồng cùng đi làm, thì sẽ không có hạn chế nào về việc với mỗi một người khuyết tật đặc biệt hoặc người thân phụ thuộc chỉ được áp dụng khấu trừ cho một người có thu nhập trong cùng một hộ gia đình. Do đó, nếu cả hai vợ chồng đều có thu nhập từ tiền lương vượt quá 8.500.000 Yên và có một người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi thì cả hai vợ chồng đều có thể được áp dụng khấu trừ này.

(3) Số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế khi điều chỉnh cuối năm sẽ được tính bởi người chi trả tiền lương chính (người chi trả tiền lương nhận được "Tờ khai giảm trừ gia cảnh") (tối đa 150.000 yên)

(4) Các thuật ngữ trong Chú ý 2 của tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập được giải thích như sau:

a. Người khuyết tật đặc biệt:

Là người thuộc một trong những trường hợp sau:

① Người thường xuyên mất năng lực nhận thức hiện tượng thực tế do rối loạn tâm thần
② Người được bác sĩ chuyên khoa sức khỏe thần kinh chẩn đoán là người khuyết tật nghiêm trọng về trí tuệ
③ Người có cấp khuyết tật là cấp 1 trong số những người được cấp sổ tay phúc lợi và sức khỏe dành cho người khuyết tật tâm thần
④ Người có mức độ khuyết tật là cấp 1 hoặc cấp 2 trong số những người được mô tả trong sổ tay người khuyết tật về thân thể là người có khuyết tật trên thân thể
⑤ Người c ó mức độ thương tật từ hạng mục bệnh đặc biệt trong bảng 2 của Điều 1 tới hạng mục bệnh thuộc Điều 3 theo Luật trợ cấp đối với thương binh trong số những người được cấp sổ tay dành cho người thương tật do chiến tranh
⑥ Người được cấp chứng nhận của Bộ trưởng Bộ Y tế và Lao động theo Luật hỗ trợ những người sống sót sau vụ nổ bom nguyên tử
⑦ Người bệnh nằm liệt giường và cần chăm sóc đặc biệt
⑧ Người từ 65 tuổi trở lên c ó khuyết tật về tâm thần hoặc thân thể (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 1962 trở về trước), người được thị trưởng thành phố, trưởng đặc khu và trưởng phòng phúc lợi xác nhận là có mức độ khuyết tật tương ứng được liệt kê trong mục ①, ② hoặc ④

b. Vợ/chồng cùng sinh sống

Là vợ/chồng (không bao gồm những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 620.000 Yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập của tiền lương là từ 1.360.000 Yên trở xuống).

c. Người thân phụ thuộc

Là người thân (không bao gồm vợ/chồng, những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn, và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 620.000 Yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập từ tiền lương là từ 1.360.000 Yên trở xuống).

Ngoài ra, người thân phụ thuộc cũng bao gồm trẻ em được nhận nuôi theo quy định của Luật phúc lợi Trẻ em, còn gọi là con nuôi, và người cao tuổi được giao chăm sóc theo quy định của Luật phúc lợi người cao tuổi và là người cùng sinh sống với bạn, có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 620.000 Yên trở xuống.

4-2 Lưu ý khi điền

(1) Đánh dấu các mục tương ứng trong cột "Điều kiện" trong trường hợp muốn áp dụng khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập chịu thuế, rồi điền người đáp ứng yêu cầu vào cột "☆Người thân phụ thuộc" và cột "★Người khuyết tật đặc biệt" tương ứng với các mục đó (Trường hợp có nhiều người đáp ứng yêu cầu, bạn có thể điền bất kì một người nào trong số họ).

(2) Trong cột "Thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt" của cột "★ Người khuyết tật đặc biệt", hãy điền thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt như tình trạng khuyết tật hoặc loại sổ và ngày tháng năm đã được cấp sổ của sổ tay được cấp, v.v..., mức độ khuyết tật (cấp khuyết tật, v.v…) (Nếu người tương ứng với người khuyết tật đặc biệt là người khuyết tật đặc biệt được ghi trong "Tờ khai giảm trừ gia cảnh", bạn có thể đánh dấu vào ô "Theo tờ khai giảm trừ gia cảnh" thay vì phải ghi các thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt).